

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liễu Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Trung.
2. Bà Ngô Thị Vân Thúy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mạc Thị Sầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2017/HSST, ngày 28 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Ngô Thế N, sinh ngày 25/8/1972 tại B, tỉnh H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 35/4 Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Đường Phùng Chí Kiên, Phú Lộc 4, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 10/10; con ông Ngô Thành N sinh năm 1946 và bà: Lê Thị N, sinh năm 1952; vợ là Đặng Thu H và có 01 con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 19/6/2017 đến ngày 31/7/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Nguyễn Duy T, sinh năm 1983; Giám đốc Công ty TNHH Lan Văn; có địa chỉ: Thôn D, xã T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Chu Văn K, sinh năm 1991, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện C; tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Chu Văn H, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện C; tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Hoàng Văn T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện C; tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Triệu Quang C, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 47, Trần N, phường C, thành phố L. Có mặt.

- Nguyễn Trọng C, sinh năm 1973; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 39, ngõ 7, đường B, phường H, thành phố L. Có mặt.

- Ngô Thế T, sinh năm H. nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- Hoàng Văn H, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 55, phường H, thành phố L. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 05/5/2017, tổ công tác Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại khu vực mốc 1154 thuộc thôn Bản Rọi, xã Thanh Lòa, huyện Cao Lộc thì phát hiện xe ô tô BKS 12C – 045.46 chở nhiều loại gỗ và kim loại có biểu hiện nghi xuất lậu sang Trung Quốc, tiến hành kiểm tra giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ lô hàng, lái xe Chu Văn K và người đi cùng Chu Văn H không xuất trình được giấy tờ chứng minh. Tổ công tác đã đưa toàn bộ số hàng hóa về trụ sở để xác minh làm rõ. Sau đó Ngô Thế N đã đến cơ quan Công an xuất trình một số giấy tờ liên quan đến nguồn gốc lô hàng gồm: 02 hóa đơn thuế GTGT thể hiện Công ty Lan Văn bán 4.704 kg gỗ Hương xẻ tận dụng, 1,09 m³ gỗ Cẩm Lai xẻ tận dụng cho N; 02 bộ hồ sơ phôi tô chứng minh nguồn gốc đầu vào của số gỗ trên có đóng dấu treo công ty Lan Văn.

Vật chứng thu giữ: 5.896 kg gỗ các loại gồm: 5.123 kg gỗ Giáng Hương, 278 kg gỗ Cẩm Lai, 495 kg gỗ Trắc; 1.082 kg kim loại gồm: thiếc dạng xỉ, dạng miếng, dạng thỏi; 01 xe ô tô tải loại đồ ben BKS 12C – 045.46.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 1017/KL-HĐĐGTS ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn xác định: Giá trị gỗ là 313.310.000 đồng; giá trị thiếc là 181.920.000 đồng. Tổng trị giá là 495.230.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Thế N khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 03/5/2017, một người đàn ông Trung Quốc tên là Lùng Cáy đến nhà N đặt vấn đề mua gỗ và phế liệu (thiếc). Qua trao B để mua gỗ. N đã mua của Công ty Lan Văn 4.704 kg gỗ Hương, 1,09 m³ gỗ cẩm lai, 495kg gỗ Trắc tận dụng với tổng số tiền 194.388.700 đồng, công ty Lan Văn đã xuất 02 hóa đơn Giá trị gia tăng cho N. Sau khi thỏa thuận mua bán xong Lùng Cáy bảo Yêu cầu Công ty Lan Văn phân loại đóng bao gỗ, còn Lùng Cáy viết tên, ký hiệu vào các bao gỗ.

Đối với số hàng Thiếc, N ra thành phố B mua 1.082 kg (thiếc dạng xỉ 148kg, dạng thỏi 834kg, dạng miếng 100kg) của nhiều người (không rõ tên tuổi)

với giá 90.000.000 đồng để bán cho Lùng Cáy, số Thiếc này không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ.

Đến khoảng 16 giờ ngày 04/5/2017, N ra ngoài đường gặp một xe tải(không nhớ biển kiểm soát và tên lái xe), thuê vận chuyển số gỗ và thiếc mua được về bãi xe Hợp Nhất, thành phố Lạng Sơn và trả tiền công vận chuyển cho lái xe 4.000.000 đồng. Sau đó gọi điện thuê Chu Văn K chở vào mốc biên giới 1154 thuộc thôn Bản Rọi, xã Thanh Lòa, huyện Cao Lộc, Lạng Sơn để xuất lậu sang Trung Quốc cho Lùng Cáy. Khi thuê K vận chuyển thỏa thuận trả tiền công vận chuyển 2.000.000 đồng, N không nói cho K biết là loại hàng hóa gì và ai là người nhận hàng, nhận ở đâu; K có rủ Chu Văn H đi vận chuyển hàng hóa cùng mình và K cũng không nói cho H biết vận chuyển hàng hóa gì. Khi K điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 12C-045.46 đến bên xe Hợp Nhất, thấy có một xe tải đang đỗ ở đó(không rõ biển kiểm soát), N bảo một số người bốc xếp hàng hóa sang xe của K. Do N có việc bận nên N đã nhờ Nguyễn Trọng C, Triệu Quang C và Ngô Thế T (em N) lấy xe ô tô Biển kiểm soát 12C- 03620 của N để đi cùng xe của K vào trong cột mốc 1154 và giao hàng, khi nào có người nhận hàng thì hộ N kiểm đếm, N không nói cho biết là hàng trả ở đâu và trả cho ai. Khi xe của K chở hàng đến khu vực mốc 1154, đang chờ ở bãi đất trống để trả hàng thì bị lực lượng chức năng phát hiện, thu giữ.

Trong quá trình điều tra, ngoài 02 hóa đơn thuế GTGT thể hiện Công ty Lan Văn bán 4.704 kg gỗ Hương xẻ tận dụng, 1,09 m³ gỗ Cẩm Lai xẻ tận dụng cho Ngô Thế N; 02 bộ hồ sơ phôi tô chứng minh nguồn gốc đầu vào của số gỗ trên có đóng dấu treo công ty Lan Văn. N không xuất trình được bất cứ hồ sơ chứng từ gì thêm về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa và hồ sơ xuất nhập khẩu, Ngô Thế N thừa nhận việc vận chuyển hàng hóa từ thành phố B lên thành phố L đến mốc biên giới 1154 thuộc thôn B, xã T, huyện C để đưa Gỗ và Thiếc qua biên giới sang Trung Quốc giao cho Lùng Cáy được trả cho số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 67/2017/CT-VKS ngày 25-8- 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy đã tố Ngô Thế N về tội “Buôn lậu” theo điểm d khoản 2 Điều 153 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 153, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 và luật số 12/2017/QH14 về sửa đổi bổ sung BLHS 2015, áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; điểm x khoản 1 Điều 51 và điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015, xù phạt bị cáo Ngô Thế N 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

Áp dụng khoản 5 Điều 153 Bộ luật hình sự, phạt tiền đối với bị cáo là 10.000.000đ.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu 5.896 kg gỗ các loại gồm: 5.123 kg gỗ Giáng Hương, 278 kg gỗ Cẩm Lai, 495 kg gỗ Trắc; 1.082 kg kim loại gồm: thiếc dạng xỉ, dạng miếng, dạng thỏi, để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả chiếc xe ô tô loại đồ ben nhãn hiệu TMT đã cũ biển kiểm soát 12C – 045.46 cho Hoàng Văn H.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa Ngô Thế N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu ở phần trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc ngày 05/5/2017 và biên bản kiểm đếm hàng hóa ngày 10/5/2017 của phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn; phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 1017/KL-HĐĐGTS ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Ngô Thế N đã phạm tội “Buôn lậu” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong việc khai thác, vận chuyển, kinh doanh, buôn bán Lâm sản, kim khí quý. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức về việc làm của mình, nhất là về số gỗ và Thiếc kim loại mà bị cáo mua là loại lâm sản và kim loại quý hiếm có giá trị lớn thuộc Nhà nước độc quyền quản lý, mọi cá nhân, tổ chức mua bán, vận chuyển qua biên giới phải có hồ sơ Lâm sản, phải có tờ khai hải quan..., nhưng bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý của Nhà nước, bị cáo đã vận chuyển số gỗ và Thiếc kim loại mua được để xuất lậu sang Trung Quốc kiếm lời. Hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật thì mới đủ thời gian giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định (tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999); bố bị cáo là người có công với cách mạng được quy định (tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015), xét thấy bị cáo có nơi thường trú rõ ràng, nên chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương thì cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa chung.

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 và luật số 12/2017/QH14 về sửa đổi bổ sung BLHS 2015, áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; cần áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

Về người đàn ông Trung Quốc tên Lùng C giao dịch mua bán hàng hóa với N, do không rõ địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở xác minh, làm rõ. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Chu Văn K là người được Ngô Thế N thuê vận chuyển số hàng hóa từ thành phố L vào mốc 1154, nhưng do K không biết hành vi phạm tội của N, không có căn cứ xử lý, nên không đề cập đến.

Đối với Nguyễn Trọng C, Triệu Quang C, Ngô Thế T là người được N nhờ đi theo để trả hàng và kiểm đếm hàng hóa nhưng do không biết mục đích để xuất lậu sang Trung Quốc, không có căn cứ xử lý, nên không đề cập xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo một khoản tiền nhất định theo quy định của pháp luật.

*Về vật chứng: Chiếc xe ô tải loại đồ ben nhãn hiệu TMT đã cũ biển kiểm soát 12C – 045.46, do không liên quan đến hành vi phạm tội cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử thấy là hợp lý, chỉ xác nhận.

Về 5.896 kg gỗ các loại; 1.082 kg kim loại gồm: thiếc dạng xỉ, dạng miếng, dạng thỏi. Đây là mặt hàng thuộc nhà nước độc quyền quản lý, nên cần tịch thu để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước

Bị cáo bị kết án, nên phải chịu khoản tiền án phí theo quy định của pháp luật; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Ngô Thế N đã phạm tội “*Buôn lậu*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 153; điểm pkhoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điểm x khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ngô Thế N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự;

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 153 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Phạt tiền đối với bị cáo với số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tuyên tịch thu Về 5.896 kg gỗ các loại gồm: 5.123 kg gỗ Giáng Hương, 278 kg gỗ Cẩm Lai, 495 kg gỗ Trắc; 1.082 kg kim loại gồm: thiếc dạng xỉ, dạng miếng, dạng thỏi, để phát mại sung vào công quỹ Nhà nước. *(Số vật chứng này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, theo biên bản giao nhận ngày 18/8/2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc).*

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả chiếc xe ô (loại đồ ben nhãn hiệu TMT đã cũ) biển kiểm soát 12C – 045.46 cho chủ xe là Hoàng Văn H.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đ (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Liều Văn Bình